

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 và một số công tác trọng tâm tháng 3/2023 (Từ ngày 15/01/2023 đến ngày 14/02/2023)

Trong tháng, UBND tỉnh tiếp tục tập trung chỉ đạo khẩn trương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ và Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh. Ngay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, tổ chức tập trung ngay vào công việc, trên 96% công nhân trở lại làm việc tại các doanh nghiệp; tình hình kinh tế - xã hội trong tháng cơ bản ổn định và phát triển hơn so với tháng trước và cùng kỳ, sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo và thương mại dịch vụ chuyên môn tốt và ổn định hơn, thị trường sau Tết Nguyên Đán ổn định, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu, công tác nắm tình hình sản xuất tại các doanh nghiệp được quan tâm; nợ xấu tín dụng được kéo giảm; du lịch phục hồi, phát triển khá; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, các bệnh nguy hiểm trên người như Covid-19, sốt xuất huyết, tay chân miệng đều giảm so với tháng trước; các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, thăm viếng được thực hiện chu đáo; thực hiện Đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm đạt nhiều kết quả quan trọng góp phần ngăn chặn, đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; tổ chức giao nhận quân năm 2023 đạt 100% chỉ tiêu được giao. Cụ thể kết quả trên một số ngành, lĩnh vực như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH

1. Các cuộc họp, làm việc của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh

Trong tháng 02 năm 2023, ngoài chỉ đạo điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 62 cuộc họp, hội nghị; 13 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp; 26 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo một số vấn đề quan trọng như: Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ:

Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 129/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực giai đoạn 2022 - 2027; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW

ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Quyết định số 02/2023/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân; Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030; Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 13/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi hành án dân sự đối với các bản án, quyết định kinh doanh, thương mại giai đoạn 2023-2028; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 07/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc định hướng phát triển quy hoạch kiến trúc nông thôn Việt Nam, tạo bản sắc và giữ gìn kiến trúc truyền thống; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý, kiểm soát giết mổ động vật bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm...

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành và tổ chức hội nghị triển khai Kế hoạch hành động thực hiện đảm bảo đúng thời gian quy định tại Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 19/01/2023, trong đó cụ thể hóa thành 68 nhiệm vụ, 23 chỉ tiêu chủ yếu, 46 chỉ tiêu cụ thể và giao trách nhiệm cho từng sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

2. Ban hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 06 Kế hoạch; 213 Quyết định cá biệt và 1410 văn bản hành chính khác. Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 18 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Trình HĐND tỉnh ban hành 09 Nghị quyết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và những năm tiếp theo (có 04 Nghị quyết quy phạm pháp luật).

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THÁNG

1. Công tác phòng, chống dịch Covid-19

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin theo phân bổ của Bộ Y tế, đến ngày 20/02/2023 tỷ lệ tiêm vắc xin phòng Covid-19 toàn tỉnh đạt 99,99%, trong đó: (i) Người từ 18 tuổi trở lên mũi 01 đạt 100,63%, mũi 2 đạt 99,43%, mũi 3 đạt 91,17%, mũi 4 tiêm đạt 37,29%; (ii) tiêm cho trẻ em từ 12-17 tuổi: mũi 1 đạt 103,6%, mũi 2 đạt 100,6%, mũi 3 đạt 73,3%; (iii) tiêm cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: Mũi 1 đạt 108,1%, mũi 2 đạt 92,85%.

Trong tháng, ghi nhận 03 ca mắc Covid-19, tử vong 02 ca (*giảm 07 ca mắc và tăng 01 ca tử vong so với tháng trước*), toàn tỉnh không còn trường hợp cách ly, điều trị.

2. Tài chính, ngân hàng

Thu ngân sách ước đạt 703,344 tỷ đồng, lũy kế 02 tháng thu 1.791,847 tỷ đồng, đạt 13,9% dự toán, thấp hơn cùng kỳ 0,12%⁽¹⁾, trong đó thu nội địa 902,66 tỷ đồng, đạt 15,83% dự toán, tăng 4,03%⁽²⁾. Chi ngân sách 279,658 tỷ đồng, lũy kế 02 tháng chi 903,863 tỷ đồng, thấp hơn cùng kỳ 13,04%, chủ yếu do giải ngân vốn đầu tư công thấp hơn cùng kỳ.

Các tổ chức tín dụng (TCTD) chấp hành tốt các quy định lãi suất của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, cam kết áp dụng lãi suất huy động bằng VNĐ tối đa không quá 9,5%/năm. Ước đến 28/02/2023, tổng vốn hoạt động của các TCTD đạt 45.650 tỷ đồng, tăng 1,7% so với cuối năm 2022, tổng dư nợ cho vay đạt 38.950 tỷ đồng, tăng 1,17% so với cuối năm 2022, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 60%, nợ xấu chiếm 0,96% tổng dư nợ (cùng kỳ 1,14%). Các chương trình tín dụng, chính sách tín dụng tiếp tục được triển khai kịp thời đến khách hàng⁽³⁾.

3. Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ

(1) Thực hiện các chính sách thông qua Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh, trong năm 2022, tỉnh được Trung ương giao 169,63 tỷ đồng để thực hiện 05 Chương trình tín dụng chính sách, đã giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao; số còn lại 127,9 tỷ đồng được Trung ương đồng ý tiếp tục triển khai trong năm 2023, tỉnh đã chỉ đạo UBND cấp huyện phối hợp cùng các Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội huyện triển khai rà soát, tổng hợp danh sách đối tượng thụ hưởng.

(2) Thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách Nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP: hỗ trợ 01 khách hàng tiếp cận vốn vay với dư nợ 9,79 tỷ đồng, lũy kế đến nay đã hỗ trợ 06 khách hàng⁽⁴⁾ với doanh số cho vay 16,62 tỷ đồng.

(3) Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, Thủ tướng Chính phủ đã bố trí vốn cho 04 dự án với số vốn 366 tỷ đồng, đến nay đang triển khai thi công 01 dự án⁽⁵⁾, đang thiết kế bản vẽ thi công và dự toán 02 dự án⁽⁶⁾, đang tổ chức đấu thầu 01 dự án⁽⁷⁾.

4. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

4.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

* Sản xuất lúa:

Tổng diện tích lúa gieo sạ trong tháng ước đạt 4.667ha, lũy kế 02 tháng gieo sạ 63.251ha, đạt 33,7% kế hoạch (giảm 1,83% so với cùng kỳ); thu hoạch 2.717ha, ước sản lượng 13.622 tấn, năng suất bình quân 5,02 tấn/ha, trong đó:

¹ Do giảm số thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (KBNN chưa hạch toán số thu bổ sung cân đối tháng 02/2023)

² Một số khoản thu tăng khá so với cùng kỳ như: thu từ khu vực FDI (tăng 45,43%); thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (tăng 48,33%); các khoản thu về nhà đất (tăng 67,57%); thu XSKT (tăng 84,15%); thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (tăng 127,18%); thu khác ngân sách (tăng 44,98%).

³ Cho vay nông nghiệp, nông thôn: 21.150 tỷ đồng (chiếm 54% tổng dư nợ); cho vay xuất khẩu: 620 tỷ đồng; cho vay DNNVV: 5.000 tỷ đồng ..

⁴ Gồm 04 doanh nghiệp và 02 hộ kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ lưu trú, ăn uống.

⁵ Dự án Đầu tư các dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, kè biển trên địa bàn các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải

⁶ Dự án Kè chống sạt lở khu vực thị trấn Cầu Kè; Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

⁷ Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 98 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Trà Vinh

+ Vụ mùa: Thu hoạch 260ha, nâng tổng số thu hoạch 1.142ha, đạt 100% diện tích xuống giống, tổng sản lượng 5.380 tấn, năng suất 4,71 tấn/ha (*thấp hơn cùng kỳ 0,07 tấn/ha*).

+ Vụ Đông Xuân: xuống giống 4.667ha, đến nay đã xuống dứt điểm 62.109ha đạt 120,13% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1,94% (*tương đương 1.231ha*). Đến nay đã thu hoạch 1.570ha, sản lượng 8.243 tấn, năng suất bình quân 5,25 tấn/ha (*thấp hơn cùng kỳ 0,25 tấn/ha*).

Trong tháng, gieo trồng 4.335 ha cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây hàng năm khác, lũy kế đến nay gieo trồng 14.252ha⁽⁸⁾, đạt 27,1% kế hoạch (*thấp hơn cùng kỳ 593 ha*), thu hoạch 3.174 ha với sản lượng 67.305 tấn, tăng 0,06% so với cùng kỳ do nông dân tập trung thu hoạch rau màu để phục vụ cho dịp Tết Nguyên đán và rằm tháng giêng.

* *Chăn nuôi*: Phát sinh dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn 03 xã⁽⁹⁾, đã tiêu hủy 87 con heo bị bệnh, nghi bệnh; lũy kế đầu năm đến nay dịch bệnh đã xảy ra với số heo mắc nghi, mắc bệnh là 124 con trọng lượng 5,079⁽¹⁰⁾ tấn, toàn bộ đã được tiến hành tiêu hủy và xử lý dịch bệnh theo qui định.

* *Thủy lợi nội đồng*:

Thực hiện nạo vét 13 công trình⁽¹¹⁾ thủy lợi nội đồng; tổ chức 14 đợt kiểm tra, phát hiện và xử lý 01 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê⁽¹²⁾. Triều cường dâng cao ngày 25 và 26/01/2023 (*Mùng 4 và mùng 5 Tết Nguyên đán*) gây sạt lở đê bao, bờ bao, vỡ bờ, các ngành đã phối hợp với địa phương hỗ trợ khắc phục thiệt hại⁽¹³⁾.

* *Xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP*: Năm 2023, huyện Trà Cú đăng ký đạt chuẩn NTM, đến ngày 15/02/2023, huyện đạt 4/9 tiêu chí. Đối với 02 huyện Cầu Ngang và Duyên Hải, qua rà soát, đánh giá đạt 09/09 tiêu chí huyện nông thôn mới, Ban Chỉ đạo đã họp bỏ phiếu đề nghị xét công nhận, hoàn thành hồ sơ trình và mời Đoàn công tác Trung ương thẩm định. Đến ngày 10/02/2023, có 08 huyện/thị gửi đăng ký sản phẩm OCOP; tổ chức công bố Quyết định và trao 104 Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP⁽¹⁴⁾, tiếp tục hoàn thiện 03 hồ sơ sản phẩm tiềm năng 5 sao trình Trung ương.

b) *Lâm nghiệp*:

Tổ chức 73 lượt tuần tra bảo vệ rừng, đầu năm đến nay tổ chức 149 lượt, phát hiện và xử lý 06 trường hợp vi phạm⁽¹⁵⁾. Bàn giao diện tích rừng cho các tổ chức, cá nhân và

⁸ Trong đó: Mầu lương thực 1.750 ha (đạt 29,31% kế hoạch), cây thực phẩm 9.503 ha (đạt 29,17% kế hoạch), cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 2.999 ha (đạt 21,36% kế hoạch).

⁹ Lương Hòa (huyện Châu Thành), Ngọc Biên và Lưu Nghiệp Anh (huyện Trà Cú).

¹⁰ Xảy ra tại 06 hộ của 06 ấp, 05 xã, 04 huyện (Trà Cú, Cầu Ngang, Châu Thành và Cầu Kè).

¹¹ Địa bàn Tiểu Cần, Cầu Kè và Trà Cú.

¹² Lũy kế từ đầu năm đến nay có 05 trường hợp vi phạm.

¹³ Tổng chiều dài thiệt hại 2.166 m, tràn cục bộ 1.348 m gây thiệt hại 184,22 ha (110,5 ha vườn cây ăn trái, 26 ha mía, 14,91 ha hoa màu, 10 ha lúa và 22,81 ha tôm), 2,57 ha rừng, ảnh hưởng 11 căn nhà, ước giá trị thiệt hại khoảng 2 895 triệu đồng

¹⁴ Trong đó: 26 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 78 sản phẩm đạt hạng 3 sao của 74 chủ thể gồm: 49 hộ kinh doanh, 10 công ty, 3 doanh nghiệp và 11 hợp tác xã, 1 tổ hợp tác.

¹⁵ 01 trường hợp phá rừng trái pháp luật làm thiệt hại 264m² chủng loại Mắm, Đước, rừng trồng năm 1999, thuộc loại rừng sản xuất tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh, ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền 5 triệu đồng, buộc trồng lại diện tích rừng bị thiệt hại và 05 trường hợp kinh doanh buôn bán trong rừng, buộc di dời ra khỏi rừng

hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng năm 2023 trên địa bàn các xã của huyện Duyên Hải⁽¹⁶⁾.

c) Thủy sản:

Diện tích thả nuôi thủy sản trong tháng đạt 8.604ha⁽¹⁷⁾, lũy kế đến nay thả nuôi 16.747 ha (đạt 32,14% kế hoạch). So với cùng kỳ, số lượng con giống và diện tích bị thiệt hại cao hơn do thời tiết lạnh tạo điều kiện thuận lợi cho mầm bệnh phát triển, mức độ thiệt hại ước gần 2% lượng giống thả nuôi (tôm chết chủ yếu ở giai đoạn từ 15 - 55 ngày tuổi, đa số bị bệnh đốm trắng, đờ thân, gan tụy, đường ruột và chậm phát triển giai đoạn đầu). Tổng sản lượng thủy hải sản 02 tháng ước đạt 15.784 tấn, đạt 6,45% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 4.794 tấn), trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 9.449 tấn⁽¹⁸⁾, sản lượng khai thác 6.335 tấn⁽¹⁹⁾.

4.2. Sản xuất công nghiệp

Ngay sau Tết Nguyên đán (30/01/2023, nhằm ngày mùng 9 tháng Giêng), phần lớn doanh nghiệp nhanh chóng đi vào hoạt động, trên 96% công nhân làm việc trong và ngoài Khu Công nghiệp, Khu Kinh tế đã trở lại làm việc ổn định⁽²⁰⁾; một số doanh nghiệp hoạt động trở lại vào đầu tháng 02/2023; hiện có 03 Doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động⁽²¹⁾, với 336 lao động đang nghỉ việc tìm công việc mới.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 22,56% so với tháng trước nhưng tính chung 02 tháng giảm gần 21% so với cùng kỳ; giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 2.480,38 tỷ đồng, tăng 13,17% so với tháng trước, lũy kế 02 tháng đạt 4.672,18 tỷ đồng, đạt 13,8% kế hoạch, giảm 3,43% so với cùng kỳ⁽²²⁾. Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,54% so với cùng kỳ, trong đó có 08 sản phẩm tăng⁽²³⁾ và 05 sản phẩm giảm⁽²⁴⁾. Tổng sản lượng điện sản xuất 02 tháng ước đạt hơn 1,29 tỷ kWh, đạt 10,23% kế hoạch⁽²⁵⁾, thấp hơn cùng kỳ 51,16% (tương đương 1,352 tỷ kWh).

* *Phát triển điện:* Tiếp tục theo dõi, hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai 04 dự án điện gió còn lại; báo cáo đề xuất Thủ tướng Chính phủ dự án xuất khẩu điện từ Trà Vinh sang Singapore. Lưới điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt tiếp tục được quan tâm đầu tư, đầu năm đến nay phát triển mới 15,01km đường dây trung thế, 3,36km đường dây hạ thế, 142 trạm biến áp, 128 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đến nay đạt 99,51%.

4.3. Thương mại - dịch vụ

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Giá cả một số loại hàng hóa thiết yếu cơ bản ổn định, các hoạt động bán lẻ và dịch vụ phát triển tốt, ngày càng nhiều điểm kinh doanh buôn

¹⁶ Xã Đông Hải, xã Long Vĩnh và xã Long Khánh

¹⁷ Chủ yếu là nuôi mặn, lợ, trong đó: tôm sú 4.233ha, cua biển 3 620ha, tôm thẻ chân trắng 582ha.

¹⁸ Nuôi nước ngọt 6.331 tấn; nuôi mặn, lợ 3.118 tấn.

¹⁹ Khai thác biển 5.497 tấn, khai thác nội đồng 838 tấn.

²⁰ Số lao động chưa quay lại làm việc là do bị cắt giảm, nghỉ luân phiên, bị ốm đau...

²¹ Cty TNHH Sungju Vina, Cty TNHH May Việt Trung và Cty TNHH Phương Tùng Anh.

²² Nếu không tính nhiệt điện, giá trị sản xuất công nghiệp 02 tháng đạt 2.834,05 tỷ đồng, đạt 15,03% kế hoạch, tăng 5,76% so với cùng kỳ.

²³ Thuộc viên các loại, thảm dệt các loại, túi xách các loại, than hoạt tính, quần áo các loại, bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô, thủy sản đông lạnh, nước sinh hoạt.

²⁴ Sản xuất điện, gạo xay xát, giấy thành phẩm, đường kết, điện thương phẩm.

²⁵ Kế hoạch năm 2023: sản lượng điện sản xuất 12,617 tỷ kWh, trong đó: Nhiệt điện 11,229 tỷ kWh; điện gió và điện Mặt trời 1,388 tỷ kWh.

bán với nhiều loại hình đa dạng, phong phú. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong tháng ước đạt 4.809,56 tỷ đồng, lũy kế 02 tháng đạt 9.785,99 tỷ đồng, đạt 18,65% kế hoạch, tăng 72,2% so với cùng kỳ, trong đó: (i) Bán lẻ ước tăng 73,15% so cùng kỳ; (ii) Lưu trú, ăn uống tăng 86,64%; (iii) Dịch vụ du lịch gấp 54 lần và (iv) Dịch vụ khác tăng 51,63% so cùng kỳ.

4.4. Xúc tiến đầu tư⁽²⁶⁾, xúc tiến thương mại, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp⁽²⁷⁾, kinh tế tập thể, hợp tác xã

Tổ chức Họp mặt doanh nghiệp đầu năm 2023; tổ chức thăm hỏi, chúc tết trong dịp Tết Nguyên Đán năm 2023, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và khó khăn của doanh nghiệp; đến thăm và kiểm tra tình hình triển khai các dự án; xây dựng Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023.

Phê duyệt Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Trà Vinh lần thứ VI năm 2023; hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp để triển khai thực hiện 11 đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến; hỗ trợ 03 doanh nghiệp cập nhật, giới thiệu 06 loại sản phẩm lên Sàn Thương mại điện tử⁽²⁸⁾; lựa chọn doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh đạt tiêu chuẩn OCOP 4 sao, 5 sao để giới thiệu quảng bá trên sàn giao dịch điện tử nước ngoài.

Trong tháng, không có dự án được cấp mới Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁽²⁹⁾; điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư cho 02 dự án (về tiến độ, thông tin người đại diện theo pháp luật, vốn đầu tư)⁽³⁰⁾; thông báo chấm dứt hoạt động đầu tư 01 dự án⁽³¹⁾.

Thành lập mới 30 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động 03 doanh nghiệp, giải thể 04 doanh nghiệp, lũy kế 02 tháng thành lập mới 69 doanh nghiệp (đạt 13,26% kế hoạch), tạm ngừng hoạt động 75 doanh nghiệp, giải thể 37 doanh nghiệp; so với cùng kỳ, số doanh nghiệp thành lập mới tăng 06 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động giảm 04 doanh nghiệp và giải thể giảm 02 doanh nghiệp; đăng ký giao dịch qua mạng đạt 85,03% tổng số hồ sơ.

Tổ chức hội nghị tổng kết tình hình kinh tế tập thể, HTX năm 2022, triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2023; đầu năm đến nay thành lập 01 HTX, nâng tổng số toàn tỉnh có 172 HTX⁽³²⁾ và 01 Liên hiệp HTX đang hoạt động.

4.5. Đầu tư, xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Tổng kế hoạch vốn năm 2022 là 4.262,239 tỷ đồng, đến 31/01/2023, giải ngân đạt 94,8% kế hoạch. Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chí theo quy định; tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 4.574,233 tỷ

²⁶ Đến nay, toàn tỉnh có 378 dự án còn hiệu lực, trong đó có 37 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,07 tỷ USD và 341 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 138.094,3 tỷ đồng.

²⁷ Đến nay có 3.692 doanh nghiệp, vốn 57.838 tỷ đồng, 83.754 lao động (hiện có 3.129 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 50.975 tỷ đồng, 73.542 lao động) trong đó có 43 doanh nghiệp FDI.

²⁸ Lũy kế có 05 lượt doanh nghiệp/HTX tham gia sản với trên 11 loại sản phẩm là các sản phẩm OCOP, sản phẩm CNNTTB và sản phẩm đạt chứng nhận khác như sản phẩm an toàn, VietGap, ISO...

²⁹ Đầu năm đến nay, cấp mới Quyết định chủ trương đầu tư cho 01 dự án (không tăng giảm so với cùng kỳ).

³⁰ Gồm: Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2 của Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2; Dự án "Khu liên hợp sản xuất, chế biến, thực nghiệm trồng trọt" của Công ty Cổ phần Tân Tân Trà Vinh.

³¹ Dự án Nhà máy sản xuất chế phẩm sinh học của Công ty TNHH Sản xuất thương mại NM.

³² Trong đó có 125 HTX nông nghiệp, 31 HTX phi nông nghiệp, 16 Quỹ tín dụng, với vốn điều lệ 165,867 tỷ đồng, thu hút 28.835 thành viên và 28 HTX ngưng hoạt động (gồm 22 HTX nông nghiệp, DVNN; 02 HTX TTCN; 02 HTX xây dựng; 01 HTX vận tải; 01 HTX may mặc).

đồng, đến 20/02/2023, giải ngân 472,757 tỷ đồng⁽³³⁾, đạt 10,34% kế hoạch (cùng kỳ giải ngân đạt 11,5% kế hoạch).

Hoàn chỉnh và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ điều chỉnh Quy hoạch Khu Kinh tế Định An đến năm 2040. Tập trung hoàn chỉnh Quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (mở rộng) đến năm 2040 và đẩy nhanh tiến độ các quy hoạch chung đô thị Tiểu Cần, Càng Long, Tân An, thị trấn Cầu Ngang, thị trấn Cầu Kè... Phê duyệt và công bố Chương trình phát triển đô thị tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 và Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quy hoạch chung đô thị Châu Thành đến năm 2040.

5. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ

5.1. Giáo dục và đào tạo

Tổ chức: Sơ kết học kỳ I năm học 2022-2023; Hội nghị chuyển đổi số ngành giáo dục giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh⁽³⁴⁾; Cuộc thi nghiên cứu Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh dành cho học sinh trung học năm học 2022-2023⁽³⁵⁾. Chuẩn bị chọn sách giáo khoa lớp 4, 8, 11 năm học 2023-2024; đăng ký dự thi Kỳ thi chọn học sinh giỏi vòng quốc gia THPT năm học 2022-2023⁽³⁶⁾; tham gia Chương trình viết sách Ngữ văn Khmer tại thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng⁽³⁷⁾; tiếp nhận đề nghị xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú năm 2023⁽³⁸⁾ và Nhà giáo nhân dân lần thứ 16 năm 2023⁽³⁹⁾.

5.2. Khoa học và công nghệ

Tổ chức tuyển chọn 03 đề tài cấp tỉnh⁽⁴⁰⁾; tiếp nhận 01 hồ sơ đề nghị hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường theo Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 của HĐND tỉnh⁽⁴¹⁾; tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận 90 sáng kiến cấp tỉnh của 08 đơn vị⁽⁴²⁾; kiểm tra về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu đối với 11 cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh⁽⁴³⁾; kiểm định 975 phương tiện đo các loại; tư vấn công bố tiêu chuẩn cơ sở, mã số mã vạch cho 03 cơ sở⁽⁴⁴⁾. Xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về đo lường và các nội dung liên quan của Đề án 996.

6. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

³³ Trong đó vốn chương trình phục hồi và phát triển KTXH giải ngân 44,929 tỷ đồng.

³⁴ Lãnh đạo UBND tỉnh và một số sở, ngành tỉnh, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ số và trên 500 đại biểu là cán bộ quản lý giáo dục từ tỉnh đến cơ sở tham dự.

³⁵ Kết quả: có 173 dự án tham dự ở 16 lĩnh vực với 345 học sinh và 173 giáo viên tham gia (64 giải: 56 giải cá nhân, 08 giải tập thể).

³⁶ Có 54 học sinh tham gia ở 09 môn thi (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Tin học), thời gian thi: từ ngày 23/2/2023 - 25/2/2023.

³⁷ Từ ngày 09/02/2023 đến hết ngày 15/02/2023 với 02 thành viên.

³⁸ Tiếp nhận 07 hồ sơ nhà giáo thuộc 4 trường THPT, Hội đồng xét trình Hội đồng cấp tỉnh 02 hồ sơ của 02 Nhà giáo.

³⁹ Tiếp nhận hồ sơ của 10 Hội đồng cấp huyện và tương đương đề nghị Hội đồng cấp tỉnh xét danh hiệu Nhà giáo nhân dân cho 02 nhà giáo và Nhà giáo ưu tú cho 45 nhà giáo.

⁴⁰ Gồm: (i) "Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý môi trường trong nuôi cá lóc thâm canh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh", (ii) "Rà soát, đánh giá mức độ an toàn của hệ thống đê bao của sông ven biển trước tác động bất lợi do xói lở bờ sông, triều cường và đề xuất giải pháp kỹ thuật đảm bảo khả năng chống chịu giai đoạn 2025-2035", (iii) "Nghiên cứu giải pháp công nghệ vật liệu sử dụng phối hợp tro - xỉ nhiệt điện Duyên Hải và cát nhiễm mặn làm vật liệu đắp nền, bê tông xi măng mặt đường tại tỉnh Trà Vinh". Kết quả: Hội đồng đánh giá đạt.

⁴¹ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Phong.

⁴² Gồm: Huyện Càng Long, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ban Tuyển giáo Tỉnh ủy.

⁴³ Tiến hành kiểm tra hồ sơ pháp lý, sai số đo lường đối với 34 cột đo xăng dầu, kiểm tra nhanh trị số octan, xétan đối với 28 mẫu xăng, dầu. Kết quả: không phát hiện vi phạm.

⁴⁴ Gồm: Công ty TNHH Minh Phát TV, HTX Thạnh Trung, Công ty TNHH MTV đá quý Hưng Thịnh.

6.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Theo dõi tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, số lao động quay trở lại làm việc sau Tết. Tạo việc làm mới cho 1.265 lao động, đưa 44 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; lũy kế 02 tháng tạo việc làm mới cho 2.610 lao động, đạt 11,3% kế hoạch, đưa 180 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đạt 20% kế hoạch. Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 624 trường hợp với số tiền chi trả 8,3 tỷ đồng; lũy kế 02 tháng trợ cấp cho 1.266 trường hợp với số tiền chi trả 18,4 tỷ đồng. Triển khai các hoạt động đào tạo nghề năm 2023; hướng dẫn triển khai các dự án vốn chương trình mục tiêu quốc gia, rà soát nhu cầu học nghề số lao động trở về địa phương và tổ chức đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm.

6.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Giải quyết chế độ chính sách cho 41 trường hợp người có công với cách mạng⁽⁴⁵⁾; lũy kế 02 tháng giải quyết cho 133 trường hợp. Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 25 trường hợp theo Quyết định số 290, 62, 49 của Thủ tướng Chính phủ. Giám định bệnh tật 03 trường hợp cho người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Thực hiện Đề án hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở, đến nay đã triển khai xây dựng 1821/1.943 căn⁽⁴⁶⁾, giải ngân đạt 92,5%.

6.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Tổng hợp kết quả hỗ trợ hộ nghèo thuộc diện chính sách bảo trợ xã hội là người neo đơn từ đủ 60 tuổi trở lên, rà soát số hộ phát sinh trong năm 2023. Các nhà hảo tâm, các tổ chức từ thiện trong và ngoài tỉnh ủng hộ tiền và hiện vật thông qua các chương trình địa chỉ nhân đạo, giúp đỡ cho trên 7.200 lượt đối tượng, với tổng số tiền 2.815 triệu đồng⁽⁴⁷⁾. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022⁽⁴⁸⁾. Báo cáo Thường trực HĐND tỉnh kết quả thực hiện các kiến nghị của Đoàn Giám sát số 2 của HĐND tỉnh đối với kết quả giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2020 - 2022. Trình Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương hỗ trợ nhà ở từ nguồn Quỹ An sinh xã hội tỉnh đối với 418 hộ khó khăn về nhà ở (248 hộ cận nghèo, 11 hộ trở thành hộ nghèo và 159 hộ được công nhận thoát cận nghèo)⁽⁴⁹⁾.

6.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Tiếp tục triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào thiểu số và miền núi⁽⁵⁰⁾. Tổ

⁴⁵ Giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ 35 trường hợp; chế độ mai táng phí 06 trường hợp.

⁴⁶ Trong đó: Số căn đã xây dựng hoàn thành là 1818 căn (đạt 93,5%); số căn đang triển khai xây dựng là 03 căn; Số căn không triển khai xây dựng là 122 căn (xây mới 80; sửa chữa 42), địa phương hoàn trả kinh phí về ngân sách 5,1 tỷ đồng.

⁴⁷ Hỗ trợ Trung tâm Bảo trợ xã hội 456 triệu đồng, Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Nạn nhân chất độc da cam/dioxin các cấp 2.359 triệu đồng.

⁴⁸ Kết quả toàn tỉnh còn 5.404 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,88% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh (giảm 1,68% so với năm 2021), trong đó: hộ nghèo dân tộc Khmer còn 3.239 hộ, chiếm tỷ lệ 3,61% so với tổng số hộ dân cư dân tộc Khmer (giảm 3,58% so với năm 2021); hộ cận nghèo còn 10.905 hộ, chiếm tỷ lệ 3,80% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh, trong đó: hộ cận nghèo dân tộc Khmer còn 5.267 hộ, chiếm tỷ lệ 5,87% so với tổng số hộ dân cư dân tộc Khmer. Hộ có mức sống trung bình có 122.034 hộ, chiếm 42,56% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh (tăng 5.583 hộ so với năm 2021); hộ có thu nhập khá có 131.897 hộ, chiếm 46% (tăng 5.813 hộ) và hộ có thu nhập giàu có 11.710 hộ, chiếm 4,08% (tăng 610 hộ).

⁴⁹ Giám 44 hộ trong tổng số 462 hộ cận nghèo đề nghị hỗ trợ ban đầu do hộ không còn đủ điều kiện để hỗ trợ (40 hộ đã được hỗ trợ nhà ở và 04 từ chối nhận hỗ trợ do không có kinh phí đối ứng để xây dựng nhà ở).

⁵⁰ Dự án 1: Trong tháng giải ngân 47 hộ với tổng số tiền 470 triệu đồng nâng lũy kế đến nay 185 hộ với tổng số tiền 1.850 triệu đồng đạt 12,04% kế hoạch; Dự án 4: thi công 04 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu nâng tổng số 39/51 công trình, 04 công trình từ 40 - 50% khối lượng, 08 công trình 55-90% khối lượng, giải ngân 7.187 triệu đồng nâng tổng số đến nay các huyện giải ngân 52.681/55.685 triệu đồng, đạt 94,61% kế hoạch.

chức thi tốt nghiệp Sơ - Trung cấp Phật học năm 2022 - 2023, tại Chùa Kompong Đôn, xã Hiếu Từ, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Thống kê số liệu người làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2023. Vận động cơ quan, tổ chức, mạnh thường quân, các tổ chức từ thiện đến tặng quà cho 165 đối tượng được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội, với số tiền và quà trị giá trên 456 triệu đồng.

6.5. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tổng lượt khám bệnh, chữa bệnh trong tháng 116.799 lượt⁽⁵¹⁾, phát hiện và xử lý 16 ổ dịch⁽⁵²⁾, 49 ca sốt xuất huyết⁽⁵³⁾, 10 ca bệnh tay chân miệng⁽⁵⁴⁾; tổng số người tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh là 804.022 người⁽⁵⁵⁾; thực hiện kiểm dịch y tế quốc tế tổng cộng 20 tàu với 297 thuyền viên. Phát hiện mới 14 người nhiễm HIV⁽⁵⁶⁾; tiếp nhận 04 hồ sơ thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng năm 2023; ban hành kế hoạch triển khai công tác bảo đảm ATTP năm 2023 và kế hoạch hậu kiểm về ATTP năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

6.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Triển khai Kế hoạch tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2023. Trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét xếp hạng di tích Thiên Hậu Cung là di tích cấp quốc gia; xin chủ trương thực hiện hồ sơ Nghề dệt chiếu Cà Hòm đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; công bố Quyết định và trao bằng xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh chùa Lò Gạch⁽⁵⁷⁾. Tổ chức 08 giải thể thao mừng Đảng - mừng Xuân năm 2023⁽⁵⁸⁾. Trong tháng, tổng doanh thu du lịch 155,4 tỷ đồng (tăng 31,2% so với tháng trước), lượt khách tham quan và lưu trú 218.709 lượt người (tăng 73,4%), công suất phòng bình quân đạt 72,8% (tăng 0,84%)⁽⁵⁹⁾. Nghiệm thu hỗ trợ 03 hộ kinh doanh theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của HĐND tỉnh⁽⁶⁰⁾.

7. Tài nguyên và môi trường

Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi). Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của 08 huyện, thị xã. Lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường 02 dự án⁽⁶¹⁾. Theo dõi tình hình thu gom và lưu chứa vật lạ dạt vào biển xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải; kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong việc vận hành lò đốt rác thải sinh hoạt của Công ty TNHH Kim Hoàng Phát và Bãi rác Long Hiệp,

⁵¹ Lũy kế 251.478 lượt, đạt 19,6%.

⁵² Giảm 38 ổ so với tháng trước (54 ổ).

⁵³ Số ca mắc giảm 34 ca so với tháng trước (83 ca)

⁵⁴ Số ca mắc giảm 21 ca so với tháng trước (31 ca).

⁵⁵ Tính đến ngày 08/02/2023, chiếm tỷ lệ 78,86% dân số, đạt 83,19% kế hoạch.

⁵⁶ Đến ngày 04/02/2023, toàn tỉnh có 2.730 người nhiễm HIV; 1.632 người chuyển sang giai đoạn AIDS; 1.073 người tử vong do HIV/AIDS.

⁵⁷ Lũy kế đến nay có 53 di tích được xếp hạng (16 di tích cấp quốc gia, 37 di tích cấp tỉnh).

⁵⁸ Cụ thể: Bóng chuyền hơi nam; Bóng chuyền hơi nữ; Cờ tướng; Aerobic; Khiêu vũ thể thao; Thẻ đục thẻ hình; Bóng bàn các nhóm tuổi; Billiards; kết quả Ban Tổ chức trao 228 huy chương các loại (76 HCV, 76 HCB, 76 HCD), cờ, giấy chứng nhận và tiền thưởng cho các đơn vị, cá nhân đạt thành tích xuất sắc.

⁵⁹ Lũy kế 02 tháng, doanh thu du lịch đạt 273,797 tỷ đồng, với 344.817 lượt khách tham quan.

⁶⁰ Cụ thể: Bánh xèo Sáu Giàu, Tư Pha Homestay, Tiệm cơm Năm Lương tại Điểm du lịch cộng đồng Cồn Chim (xã Hòa Minh, huyện Châu Thành).

⁶¹ Dự án "Nhà máy điện gió Đông Thành 2" - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và dự án Hạ tầng hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thê đảm bảo an ninh nguồn nước các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1) - Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT.

huyện Trà Cú. Kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, cảnh quan môi trường sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

8. Thông tin và truyền thông

Tuyên truyền Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi); hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá Lễ hội Hoa Đào Xứ Lạng năm 2023; tuyên truyền Kế hoạch cao điểm chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão -2023 trên hệ thống thông tin cơ sở. Hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp tạo tài khoản, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn⁽⁶²⁾. Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác chuyển đổi số năm 2022 và ký kết thỏa thuận hợp tác về chuyển đổi số với tập đoàn VNPT, tập đoàn Viettel. Cấp mới 19 chứng thư số, cấp 02 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh và 01 giấy phép hoạt động in.

Rà soát, công khai 1.490 thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia, tích hợp 938 dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công quốc gia, đang thực hiện tích hợp các dịch vụ khác theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

9. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức công tác chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022; tổ chức Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022. Ban hành 47 văn bản liên quan đến công tác biên chế và công chức, viên chức; triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Trà Vinh⁽⁶³⁾; khảo sát nhu cầu đào tạo văn bằng 2 trình độ đại học giai đoạn 2023 - 2025. Thẩm định hồ sơ tổ chức lại Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 15 cuộc và 276 lượt tuân tra, kiểm tra với 48 tổ chức và 357 cá nhân, phát hiện và xử lý 12 trường hợp vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 167,1 triệu đồng. Tiếp 347 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, nhận 267 đơn⁽⁶⁴⁾; giải quyết 66/172 đơn thuộc thẩm quyền đạt 38,37%⁽⁶⁵⁾. Kết luận thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại UBND phường 4, thành phố Trà Vinh⁽⁶⁶⁾.

10. Về quốc phòng, an ninh

Duy trì tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm tình hình, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tổng kết

⁶² Đến nay có 127.627 hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản bán hàng trên sàn TMĐT với 1.142 loại sản phẩm và 90 sản phẩm OCOP được quảng bá, giới thiệu trên sàn thương mại điện tử.

⁶³ Thông báo chiêu sinh các khóa bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp và bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp huyện năm 2023; tổng hợp nhu cầu cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia chương trình bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở năm 2023.

⁶⁴ Trong đó nhận mới 142 đơn, đơn tồn kỹ trước chuyển sang 125 đơn.

⁶⁵ Giải quyết đơn tố cáo đạt 50%, đơn khiếu nại đạt 53,3%, đơn yêu cầu đạt 40,6%, đơn phản ánh kiến nghị đạt 27,5%, đơn tranh chấp đất đai đạt 50,9%.

⁶⁶ Kết quả sai phạm về kinh tế số tiền 156.847.124 đồng (kiến nghị thu hồi 55.494.824 đồng, kiểm điểm rút kinh nghiệm số tiền 101.352.300 đồng); kiểm điểm rút kinh nghiệm 04 cá nhân.

Đợt ra quân thực hiện cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự Tết Nguyên đán Quý Mão 2023⁽⁶⁷⁾. Tổ chức giao, nhận 1.177 thanh niên⁽⁶⁸⁾ (đạt 100% chỉ tiêu) lên đường nhập ngũ thi hành nghĩa vụ Quân sự và Công an nhân dân năm 2023 đảm bảo an toàn, trang trọng.

Về quản lý kinh tế: xảy ra 02 vụ (tăng 02 vụ so với cùng kỳ). *Về trật tự xã hội:* xảy ra 22 vụ phạm tội về trật tự xã hội, lũy kế 02 tháng xảy ra 39 vụ (tăng 15 vụ so với cùng kỳ). *Tội phạm về ma túy:* phát hiện 14 vụ, lũy kế 02 tháng phát hiện 28 vụ (nhiều hơn 11 vụ so với cùng kỳ). *Tai nạn giao thông:* xảy ra 03 vụ, làm chết 03 người; lũy kế 02 tháng xảy ra 05 vụ, làm chết 04 người (tăng 01 vụ so với cùng kỳ). Xảy ra 02 vụ chết người do đuối nước.

III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

Dịch tả heo Châu Phi chưa được xử lý dứt điểm; sản lượng thủy sản thấp hơn cùng kỳ; giá cả một số nông sản như rau màu, cam sành sụt giảm mạnh; giải ngân vốn đầu tư công còn chậm và thấp hơn cùng kỳ; công nghiệp sản xuất và phân phối điện tiếp tục sụt giảm (đến nay chỉ huy động Nhà máy Duyên Hải 1), một số doanh nghiệp chưa có nhiều hợp đồng trong những tháng đầu năm làm ảnh hưởng nhiều đến giá trị sản xuất công nghiệp.

IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 3/2023

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023, trong tháng 3, cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Tập trung thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 tại Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 19/01/2023. Chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp thứ 8 (kỳ họp chuyên đề) – HĐND tỉnh khóa X; đẩy nhanh tiến độ chuyển 06 đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. Hoàn chỉnh hồ sơ, trình Thường trực Hội đồng thẩm định xem xét, cho ý kiến Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Tập trung thu hoạch lúa Đông Xuân, chuẩn bị xuống giống vụ Hè Thu; theo dõi sát tình hình sâu đầu đen hại dừa. Đẩy nhanh tiến độ thi công nạo vét các công trình thủy lợi nội đồng, chủ động tích trữ nước ngọt, thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống hạn, mặn, giảm thiểu rủi ro trong sản xuất; rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đảm bảo người dân có đủ nước sinh hoạt trong mùa khô. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, vận động tiêm phòng, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi trong thời điểm giao mùa; tập trung khoanh vùng, khống chế dịch tả lợn Châu Phi. Theo dõi, khuyến cáo người dân cải tạo ao hồ đúng quy

⁶⁷ Diễn ra từ 15/11/2022 đến 05/02/2023, thống kê sơ bộ trong đợt cao điểm, địa bàn tỉnh: xảy ra 45 vụ tội phạm về trật tự xã hội (giảm 29 vụ so với liên kế trước cao điểm); triệt xóa 217 vụ đánh bạc trái phép (cao hơn 64 vụ so với liên kế trước cao điểm); phát hiện 04 vụ phạm tội về kinh tế (nhiều hơn 03 vụ so với liên kế trước cao điểm), phát hiện 91 vụ vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên khoáng sản và an toàn thực phẩm (nhiều hơn 13 vụ so với liên kế trước cao điểm); bắt giữ 31 vụ tội phạm về ma túy (nhiều hơn 09 vụ so với liên kế trước cao điểm); xảy ra 08 vụ tai nạn giao thông đường bộ (giảm 03 vụ so với liên kế trước cao điểm); cháy nổ không xảy ra (giảm 01 vụ cháy so với liên kế trước cao điểm).

⁶⁸ Trong đó, 901 thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự và 276 thanh niên thi hành nghĩa vụ Công an Nhân dân; 15 thanh niên là đảng viên, 319 thanh niên là dân tộc Khmer, 2 dân tộc Hoa, 58 thanh niên có trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp nghề...

trình kỹ thuật, thả nuôi thủy sản theo lịch thời vụ; kiểm soát chặt chẽ con giống, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn trong nuôi trồng thủy sản.

Hoàn thành công tác vệ sinh phòng cháy rừng mùa khô 2023; đẩy nhanh tiến độ thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; quan tâm huy động, lồng ghép các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng và nâng cao chất lượng các tiêu chí của xã, huyện nông thôn mới.

Quan tâm hỗ trợ các HTX xây dựng dự án liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Tiếp và làm việc với Đoàn công tác Trung ương vào kiểm tra thực tế kết quả xây dựng huyện nông thôn mới huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải.

3. Tăng cường mời gọi đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp; theo dõi, đôn đốc các nhà đầu tư triển khai dự án. Tổ chức Lễ phát động các hoạt động hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam” năm 2023, Hội nghị kết nối cung cầu tại Thành phố Hồ Chí Minh với các Sàn thương mại điện tử; thường xuyên thông tin tình hình thị trường xuất khẩu, các sự kiện xúc tiến thương mại đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Xây dựng kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện và lựa chọn sản phẩm tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Trà Vinh lần thứ VI năm 2023. Xây dựng, in ấn Sổ tay hướng dẫn thủ tục hành chính về lĩnh vực đầu tư, tài liệu “Trà Vinh điem đến đầu tư” bằng ngôn ngữ Việt - Anh, xây dựng video clip phục vụ công tác xúc tiến đầu tư bằng ngôn ngữ Việt - Nhật.

4. Hoàn thành chuyển nguồn ngân sách năm 2022 sang năm 2023; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, vốn chương trình phục hồi kinh tế - xã hội, vốn 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 68 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/02/1955 – 27/02/2023). Đảm bảo đủ thuốc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Thực hiện tốt công tác phòng, chống các loại dịch bệnh nguy hiểm ở người, không chủ quan, lơ là. Thực hiện việc di dời các trang thiết bị cần thiết từ Bệnh viện đa khoa tỉnh (cũ) về Bệnh viện đa khoa tỉnh (700 giường) đảm bảo hoạt động hiệu quả.

6. Tổ chức thi học sinh giỏi Quốc gia 2023 tại tỉnh Trà Vinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kiểm định giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tại 06 trường trên địa bàn các huyện Trà Cú, Châu Thành, Tiểu Cần; đánh giá ngoài công nhận Kiểm định chất lượng giáo dục tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Tiểu Cần, Trung tâm Giáo dục thường xuyên – Hướng nghiệp dạy nghề Trà Cú. Thực hiện tốt công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng kế hoạch hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp năm 2023.

7. Tăng cường tổ chức các cuộc hội thảo, tư vấn, tạo nguồn đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Khẩn trương thực hiện các dự án, tiểu dự án về giáo dục nghề nghiệp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Dự án truyền thông về giảm nghèo đa chiều và Dự án nâng cao năng lực, giám sát đánh giá thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững theo kế hoạch vốn phân

bổ năm 2023. Hướng dẫn thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội; tổng hợp danh sách phát sinh hộ nghèo thuộc diện chính sách bảo trợ xã hội là người neo đơn từ đủ 60 tuổi trở lên.

8. Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, chính sách trong vùng đồng bào dân tộc. Tổng hợp kết quả rà soát đối tượng hưởng lợi Dự án 1, Dự án 4, Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn các huyện, thành phố năm 2023. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Xây dựng kế hoạch hoạt động công tác trẻ em, bình đẳng giới năm 2023; kế hoạch thực hiện Chương trình truyền thông về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

9. Khảo sát 59 đơn vị thụ hưởng dự án bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn các Doanh nghiệp, hộ dân lập hồ sơ hỗ trợ theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND. Lập hồ sơ xây dựng điểm du lịch sinh thái xã Trường Long Hòa.

10. Ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa và rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU và Kế hoạch số 04/KH-UBND về bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn. Kiểm tra định kỳ việc chấp hành công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp viễn thông trong việc cải tạo, chỉnh trang mạng cáp trên địa bàn; theo dõi, chỉ đạo Bưu điện tỉnh, Chi nhánh Bưu chính Viettel Trà Vinh tăng cường hỗ trợ tiêu thụ nông sản và đưa sản phẩm hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử.

11. Xây dựng Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố”. Theo dõi, đôn đốc điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2022. Triển khai các cuộc thanh tra theo kế hoạch năm 2023; tập trung giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định.

12. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung triển khai, thực hiện toàn diện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương năm 2023. Duy trì nghiêm túc sẵn sàng chiến đấu, tuần tra, kiểm soát nắm chắc tình hình, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU; TTHĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. 04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *Law*



Lê Văn Hân

Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 02 NĂM 2023

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 02	ƯTH 02 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	1,794.027	12,886.418	703.343	1,791.847	13.90	99.88
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	Tỷ đồng	867.733	5,701.000	694.333	902.657	15.83	104.02
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	1,039.400	11,645.540	279.658	903.863	7.76	86.96
3	Số dự án đầu tư đăng ký mới⁽¹⁾	Dự án	1		0	1		100.00
	- Số dự án trong nước	Dự án	1		0	1		100.00
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	7,856.08		0.00	110.00		1.40
	- Số dự án FDI	Dự án		2	0			
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD		175	0.00			
4	Phát triển doanh nghiệp⁽²⁾							
	- Thành lập mới							
	+ Số doanh nghiệp	DN	61	520	30	69	13.27	113.11
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		25		26	39		156.00
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	516.0		132.00	260.0		50.39
	- Đăng ký bổ sung							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	156		37	78		50.00
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	52		161	802		1,542.31
	- Giải thể	DN	25		4	13		52.00

(1) Đến nay có 378 dự án còn hiệu lực, trong đó có 37 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,066 tỷ USD và 341 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 138.094,3 tỷ đồng

(2) Đến nay có 3.692 doanh nghiệp, vốn 57.838 tỷ đồng, 83.754 lao động (hiện có 3.129 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 50.975 tỷ đồng, 73.542 lao động) trong đó có 43 doanh nghiệp FDI.

PHỤ LỤC SỐ 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THÁNG 02 NĂM 2023



T	T	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch	U/TH tháng 02	Công dồn từ đầu vụ đến 15/02	Kế hoạch	So sánh (%)									
								Năm 2023									
A	NÔNG NGHIỆP	Diện tích gieo trồng hàng năm	79,275	240,285	9,002	77,503	32,25	97,76	* Cây lương thực có hạt								
									ha	65,657	191,400	5,037	64,583	33,74	98,36	- Diện tích gieo trồng	
									ha	1,391	191,400	1,875	2,869	1,50	206,31	- Diện tích thu hoạch	
									Tấn	6,811	1,085,685	9,721	14,468	1,33	212,41	- Sản lượng	
																	Lúa cả năm
									ha	64,430	187,700	4,667	63,251	33,70	98,17	- Diện tích gieo sạ	
									ha	1,202	187,700	1,830	2,712	1,44	225,69	- Diện tích thu hoạch	
									Tấn/ha	4,85	5,67	5,18	5,02	88,52	103,67	- Năng suất	
									Tấn	5,822	1,065,150	9,478	13,622	1,28	233,97	- Sản lượng	
																	Lúa mùa
									ha	1,090	1,090		1,142		104,79	- DT gieo sạ	
									ha	1,090			1,142		104,79	- Diện tích thu hoạch	
									Tấn/ha	4,78	4,76	4,71	4,71		98,61	- Năng suất	
Tấn	5,206	1,236	5,380	103,33			- Sản lượng										
								Vụ Đông Xuân									
ha	63,340	51,700	4,667	62,109	120,13	98,06	- Diện tích xuống giống										
ha	112	51,700	1,570	1,570	3,04	1,401,79	- Diện tích thu hoạch										
Tấn/ha	5,50	6,70	5,25	5,25	78,36	95,45	- Năng suất										
Tấn	616	346,390	8,243	8,243	2,38	1,338,07	- Sản lượng										
								2 Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm									
ha	14,845	52,585	4,335	14,252	27,10	96,00	- Diện tích gieo trồng										
ha	3,198	52,585	1,378	3,174	6,04	99,26	- Diện tích thu hoạch										
Tấn/ha	21,03	26,61	21,97	21,20	79,69	100,81	- Năng suất bình quân										
Tấn	67,265	1,399,152	30,285	67,305	4,81	100,06	- Sản lượng										
								a Màu lương thực									
ha	1,663	5,970	585	1,750	29,31	105,19	- Diện tích gieo trồng										
ha	196	5,970	50	163	2,72	83,16	- Diện tích thu hoạch										
Tấn/ha	5,60	10,12	6,53	5,73	56,61	102,34	- Năng suất bình quân										
Tấn	1,095	60,417	329	932	1,54	85,11	- Sản lượng										
								Trong đó:									
								+ Bắp:									
ha	1,228	3,700	370	1,333	36,02	108,54	- Diện tích gieo trồng										
ha	189	3,700	45	157	4,26	83,25	- Diện tích thu hoạch										
Tấn/ha	5,23	5,55	5,37	5,37	96,76	102,68	- Năng suất										
Tấn	989	20,535	243	846	4,12	85,48	- Sản lượng										
								+ Khoai lang									
ha	208	1,300	163	208	16,02	100,24	- Diện tích gieo trồng										
ha	6	1,300	5	5	0,40	80,56	- Diện tích thu hoạch										
Tấn/ha	16,41	16,89	16,63	16,63	98,46	101,34	- Năng suất										
Tấn	106	21,957	86	86	0,39	81,64	- Sản lượng										
								+ Khoai mì									
ha	125	570	32	120	20,96	95,30	- Diện tích gieo trồng										
ha	570						- Diện tích thu hoạch										
Tấn/ha	19,21						- Năng suất										
Tấn	10,950						- Sản lượng										
								+ Cây có củ khác									

T	T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch	Năm 2023		So sánh (%)
						Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/02	Kế hoạch	
		- Diện tích gieo trồng	Ha	103	400	21	89	87.12
		- Diện tích thu hoạch	Ha		400			
		- Năng suất	Tấn/ha	17,44				
		- Sản lượng	Tấn	6,975				
		Màu thực phẩm						
		- Diện tích gieo trồng	Ha	9,450	32,575	2,819	9,503	100,57
		- Diện tích thu hoạch	Ha	2,753	32,575	1,328	2,785	101,18
		- Năng suất bình quân	tấn/ha	22,66	22,31	22,56	22,56	99,53
		- Sản lượng	Tấn	62,386	726,781	29,956	62,824	100,70
		Trong đó:						
		+ Rau màu các loại						
		- Diện tích gieo trồng	Ha	9,367	32,100	2,788	9,424	100,60
		- Diện tích thu hoạch	Ha	2,741	32,100	1,323	2,775	101,24
		- Năng suất	Tấn/ha	22,75	22,61	22,63	22,63	99,47
		- Sản lượng	Tấn	62,365	725,781	29,948	62,806	100,71
		+ Đậu các loại						
		- Diện tích gieo trồng	Ha	82	475	31	80	97,03
		- Diện tích thu hoạch	Ha	11	475	5	10	85,53
		- Năng suất	Tấn/ha	1,85	2,11	1,79	1,79	84,98
		- Sản lượng	Tấn	21	1,000	8	18	82,57
		Cây công nghiệp hàng năm						
		- Diện tích gieo trồng	Ha	3,732	14,040	930	2,999	80,35
		- Diện tích thu hoạch	Ha	250	14,040	0	226	90,72
		- Năng suất bình quân	tấn/ha	43,59				-
		- Sản lượng	Tấn	3,784	611,954	0	3,549	93,79
		Trong đó:						
		+ Mía cây						
		- Diện tích gieo trồng	Ha	38	1,300	11	37	97,64
		- Diện tích thu hoạch	Ha		1,300			
		- Năng suất	Tấn/ha	97,82				
		- Sản lượng	Tấn	127,166				
		+ Đậu phộng						
		- Diện tích gieo trồng	Ha	2,385	4,420	497	1,677	70,29
		- Diện tích thu hoạch	Ha	207	4,420		186	89,92
		- Năng suất	Tấn/ha	5,43	5,24		5,32	97,94
		- Sản lượng	Tấn	1,123	23,161		989	88,06
		+ Cây lạc						
		- Diện tích gieo trồng	Ha	409	2,570	151	400	97,58
		- Diện tích thu hoạch	Ha		2,570			
		- Năng suất	Tấn/ha	11,82				
		- Sản lượng	Tấn	30,377				
		+ Cây khác						
		- Diện tích gieo trồng	Ha	899	5,750	272	885	98,45
		- Diện tích thu hoạch	Ha	43	5,750		40	94,60
		- Năng suất	Tấn/ha	62,35	75,00		63,41	84,55
		- Sản lượng	Tấn	2,661	431,250		2,560	96,21
		B LÀM NGHỀ						
		- DT rừng trồng tập trung	Ha	50				
		- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	116				
		- DT giao khoán bảo vệ	Ha	3,490				

T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch	ƯTH tháng 02	Công dồn đến 15/02	Kế hoạch	Cùng kỳ	So sánh (%)			
									Năm 2023			
C	THUY - HẠI SẢN:		Tấn	20,578	244,550	7,725	15,784	6,45	76,70	Tỷ lệ con giống	152,25	
											Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	125,91
											Số con giống thả nuôi	82,69
											Diện tích thả nuôi	131,42
											Số hộ bị thiệt hại	68,98
											Số hộ thả nuôi	129,55
											Tổng số hộ thả nuôi	72,03
											* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng	
											Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	126,84
											Số con giống bị thiệt hại	116,10
Số con giống thả nuôi	91,53											
Diện tích thả nuôi	152,89											
Số hộ bị thiệt hại	109,82											
Số hộ thả nuôi	130,88											
Tổng số hộ thả nuôi	94,73											
* Tình hình thiệt hại tôm sú												
Diện tích nuôi nước ngọt	105,26											
Thủy sản khác												
Nuôi cua biển	135,98											
Tôm thẻ chân trắng	68,98											
Nuôi tôm sú	109,82											
Diện tích nuôi mặn, lợ	115,68											
Diện tích nuôi trong thủy sản	115,50											
Cá các loại	89,14											
Cá tra, cá ba sa	41,47											
Cá lóc	73,76											
Tôm càng xanh	41,50											
+ VÙNG NƯỚC NGỌT	70,94											
Thủy sản khác	41,24											
Cua biển	39,59											
Tôm thẻ chân trắng	91,46											
Tôm sú	85,46											
+ VÙNG MẶN LỢ	83,26											
SẢN LƯỢNG NUÔI TRONG THỦY SẢN	74,58											
Thủy sản khác	68,55											
Cá các loại	103,54											
Tôm các loại	133,51											
+ KHAI THÁC NỘI ĐỒNG (NƯỚC NGỌT)	84,26											
Hải sản khác	76,23											
Cá các loại	83,27											
Tôm các loại	70,89											
+ KHAI THÁC HẢI SẢN (MẶN, LỢ)	79,51											
SẢN LƯỢNG KHAI THÁC	80,10											
Tôm các loại	83,57											
Tổng sản lượng	76,70											

Phụ lục số 3: SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THĂNG 02 NĂM 2023



TT	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch	ƯTH tháng 02	ƯTH 02 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ	Năm 2023		
								So sánh (%)		
A	Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN (Giá 2010) (cố tính nhiệt điện)	Tỷ đồng	33,864.000	2,480.380	4,672.180	13.80	96.57			
		<i>Trong đó:</i>								
		- Khai khoáng	Tỷ đồng	1,933	14.000	2.737	19.55	141.62		
		- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	2,329.762	17,100.000	2,528.652	14.79	108.54		
		- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	Tỷ đồng	2,456.953	16,413.000	2,089.879	12.73	85.06		
		- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	49.603	337.000	50.911	15.11	102.64		
		Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN (Giá 2010) (không tính nhiệt điện)	Tỷ đồng	2,679.777	18,860.000	2,834.059	15.03	105.76		
		<i>Trong đó:</i>								
		- Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	1.93	14.000	2.742	19.59	141.87		
		- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	2,329.76	17,100.000	2,528.657	14.79	108.54		
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	Tỷ đồng	298.48	1,409.000	251.750	17.87	84.34				
- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	49.60	337.000	50.910	15.11	102.64				
Sản phẩm chủ yếu:	Thủy sản đông lạnh	Tấn	1,254	9,338	1,293	13.84	103.12			
	Đường kết	Tấn	8,192	7,000	6,210	88.72	75.80			
	Than hoạt tính	Tấn	962	6,000	1,151	19.19	119.68			
	Thuốc viên các loại	Tr.viên	127	1,832	115	11.99	172.91			
	Máy mặc (quần áo các loại)	1000chiếc	604	7,384	332	687	9.31	113.83		
	Tham dệt các loại	1000m ²	222	2,200	157	314	14.28	141.50		
	Nước sinh hoạt	1000m ³	5,906	35,680	3,062	5,979	16.76	101.24		
	Gạo xay xát	Tấn	48,333	723,298	11,576	20,824	2.88	43.09		
	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	1,981	12,466	1,029	2,073	16.63	104.66		
	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	319	12,000	215	401	3.34	125.73		
Giày thành phẩm	1000 đôi	849	7,500	240	444	5.91	52.26			
Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	188	1,150	97	187	16.26	99.31			
Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	2,643	12,617	763	1,291	10.23	48.84			
Sản lượng nhiệt điện	Tr. Kwh	2,372	11,229	632	1,077	9.59	45.39			
Sản lượng điện gió, điện mặt trời	Tr. Kwh	271	1,388	131	214	15.43	79.03			
TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH	%	99.27	99.60	99.51	99.91	100.24	48.85			
C	TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ	Tỷ đồng	5,682.76	52,465.00	4,809.56	9,785.99	18.65	172.20		
		Phát triển hộ sử dụng điện	Hộ	262	1,000	72	128	12.80	48.85	
		Bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	3,935.96	35,931.00	3,345.85	6,815.15	18.97	173.15	
		Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	899.76	9,533.00	819.82	1,679.31	17.62	186.64	
		Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	0.14	21.00	3.83	7.35	35.01	5.406	
		Dịch vụ khác	Tỷ đồng	846.91	6,980.00	640.06	1,284.18	18.40	151.63	